

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 4569/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 134/TTr-SNNMT ngày 30 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm rà soát, cập nhật Quyết định này và các thủ tục hành chính vào cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính (<https://csdl.dichvucong.gov.vn>).

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Công báo - Tin học) có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - BTP;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng Kinh tế;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, nvthanh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Phong

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG THUỘC PHẠM
VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TỈNH AN GIANG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

**PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG**

STT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý quy định TTHC	Cơ quan thực hiện
I	Thủ tục hành chính nội bộ cấp tỉnh		
01	Ban hành kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật Bảo vệ môi trường quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. - Điều 36, Nghị định số 136/2025/NĐ-CP	UBND cấp tỉnh
02	Xây dựng kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật Bảo vệ môi trường quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. - Khoản 1, Điều 18, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. - Khoản 1, Điều 37, Nghị định số 136/2025/NĐ-CP	UBND cấp tỉnh
II	Thủ tục hành chính nội bộ cấp xã		
1	Công bố sự cố môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường.	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. - Khoản 7, Điều 28, Nghị định	UBND cấp xã

STT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý quy định TTHC	Cơ quan thực hiện
		131/2025/NĐ-CP. - Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg.	
2	Ban hành kế hoạch phục hồi môi trường theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. - Khoản 8, Điều 28, Nghị định 131/2025/NĐ-CP. - Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg.	UBND cấp xã
3	Ban hành kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường đối với sự cố chất thải theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. - Khoản 8, Điều 28 Nghị định 131/2025/NĐ-CP. - Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg.	UBND cấp xã
4	Ban hành kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 127 Luật Bảo vệ môi trường.	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. - Khoản 9, Điều 28 Nghị định 131/2025/NĐ-CP. - Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg.	UBND cấp xã
5	Tiếp nhận đăng ký môi trường đối với các dự án, cơ sở thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định này.	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. - Khoản 1 Điều 29 Nghị định 131/2025/NĐ-CP. - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.	UBND cấp xã
6	Thành lập tổ công tác xác định nguyên nhân sự cố	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.	UBND cấp xã

STT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý quy định TTHC	Cơ quan thực hiện
	chất thải cấp xã ngay sau khi sự cố xảy ra theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Quy chế ứng phó sự cố chất thải ban hành kèm theo Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.	- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. - Khoản 5 Điều 29 Nghị định 131/2025/NĐ-CP. - Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg.	

PHẦN II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TỈNH AN GIANG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH

I. Thủ tục: Ban hành kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng

1. Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Lựa chọn đơn vị tư vấn xây dựng kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng (sau đây viết tắt là kế hoạch).

Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn lập xây dựng kế hoạch.

- **Bước 2:** Lập kế hoạch

Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với đơn vị tư vấn lập kế hoạch.

- **Bước 3:** Xin ý kiến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đối với dự thảo kế hoạch.

Sau khi nhận được các ý kiến góp ý, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, hoàn thiện dự thảo kế hoạch trước khi tổ chức họp Hội đồng thẩm định cấp tỉnh.

- **Bước 4:** Tổ chức họp Hội đồng thẩm định cấp tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định kế hoạch. Sau khi họp Hội đồng thẩm định cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn thiện kế hoạch theo ý kết luận của Chủ tịch Hội đồng.

- **Bước 5:** Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch.

- **Bước 6:** Công bố kế hoạch.

Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức công bố kế hoạch sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: các cơ quan, đơn vị có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch.

8. Phí, lệ phí: Không quy định.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điểm c khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

- Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Điều 36 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

II. Thủ tục: Xây dựng kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng

1. Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng Kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng (sau đây viết tắt là kế hoạch).

- **Bước 2:** Xây dựng thuyết minh đề cương, dự toán nhiệm vụ.

Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng nội dung thuyết minh đề cương, dự toán nhiệm vụ.

- **Bước 3:** Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề cương, dự toán nhiệm vụ.

- **Bước 4:** Sở Nông nghiệp và Môi trường lựa chọn nhà thầu để thực hiện các nội dung/hạng mục công việc trong nhiệm vụ trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- **Bước 5:** Tổ lựa chọn đơn vị thực hiện các nội dung nhiệm vụ.

- **Bước 6:** Tổ chức thực hiện nhiệm vụ đã được phê duyệt.

- **Bước 7:** Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ, trong đó sản phẩm chính là Dự thảo kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng.

2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: các cơ quan, đơn vị có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Nhiệm vụ được nghiệm thu, phê duyệt hoàn thành.

8. Phí, lệ phí: Không quy định.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điểm b khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.

- Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Khoản 1 Điều 37 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP XÃ

I. Thủ tục: Công bố sự cố môi trường

1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Xác minh.

Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố trực tiếp xác minh sự cố xảy ra.

- **Bước 2:** Công bố sự cố môi trường cấp xã.

Ủy ban nhân dân cấp xã công bố sự cố môi trường cấp xã sau khi xác minh sự cố xảy ra.

2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã; Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị/Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp xã nơi xảy ra sự cố.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính: Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã, Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị/Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp xã nơi xảy ra sự cố.

- Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố sự cố môi trường cấp xã.

8. Phí, lệ phí(nếu có): Không quy định.

9. Tên các mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Khi xảy ra sự cố chất thải cấp xã.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải.

II. Thủ tục: Ban hành kế hoạch phục hồi môi trường

1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Công bố kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố môi trường

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố công bố kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố môi trường cấp xã.

- Bước 2: Ban hành kế hoạch phục hồi môi trường

Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành kế hoạch phục hồi môi trường cấp xã sau khi kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố môi trường cấp xã.

2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày công bố kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố môi trường.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị/Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp xã nơi xảy ra sự cố.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị/Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp xã nơi xảy ra sự cố.

- Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch phục hồi môi trường sau sự cố môi trường cấp xã.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

9. Tên các mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Sau khi kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố môi trường cấp xã.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải.

III. Thủ tục: Ban hành kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường đối với sự cố chất thải

1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Công bố kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố chất thải.

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố công bố kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố chất thải cấp xã.

- **Bước 2:** Ban hành kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường.

Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường cấp xã sau khi kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố chất thải cấp xã.

2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày công bố kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố chất thải.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị/Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp xã nơi xảy ra sự cố.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị/Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp xã nơi xảy ra sự cố.

- Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường đối với sự cố chất thải cấp xã.

8. Phí, lệ phí: Không quy định.

9. Tên các mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Sau khi kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố chất thải cấp xã.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải.

IV. Thủ tục: Ban hành kế hoạch ứng phó sự cố môi trường

1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường.

Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị/Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp xã xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường cấp xã.

- **Bước 2:** Ban hành kế hoạch ứng phó sự cố môi trường.

Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố môi trường cấp xã.

2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị/Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp xã.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị/Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường cấp xã.

8. Phí, lệ phí: Không quy định.

9. Tên các mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải.

V. Thủ tục: Tiếp nhận đăng ký môi trường

1. Trình tự, cách thức thực hiện:

- Bước 1: Nộp hồ sơ.

Chủ dự án đầu tư, cơ sở nộp hồ sơ đăng ký môi trường đến Ủy ban nhân dân cấp xã thông qua một trong các hình thức sau:

- + Trực tiếp tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã;
- + Qua đường bưu điện, dịch vụ bưu chính;
- + Bản điện tử.

- Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ đăng ký môi trường của chủ dự án, cơ sở.

- Bước 3: Cập nhật dữ liệu về đăng ký môi trường vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT), hồ sơ đăng ký môi trường của dự án đầu tư, cơ sở được cập nhật dữ liệu về đăng ký môi trường vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường cấp quốc gia.

2. Thành phần, số lượng hồ sơ:

01 bản chính văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở (*mẫu quy định tại Mẫu số 47 Phụ lục II Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT*).

3. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

4. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Chủ dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp sau:

- Có phát sinh nước thải sinh hoạt xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 50 m³ /ngày trở lên;

- Có phát sinh nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý đối với những cơ sở, dự án thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP). Riêng loại hình chăn nuôi gia súc, giết mổ gia súc, gia cầm thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này;

- Có phát sinh nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 10 m³/ngày trở lên;

- Có phát sinh nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý quy định tại điểm a và điểm c khoản này với tổng lưu lượng từ 50 m³/ngày trở lên;

- Có phát sinh khí thải xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 2.000 m³/giờ trở lên khi đi vào vận hành chính thức;

- Có phát sinh thường xuyên chất thải nguy hại với tổng khối lượng từ 100 kg/tháng trở lên hoặc từ 1.200 kg/năm trở lên và có phát sinh nước thải hoặc khí thải phải xử lý xả ra môi trường trong quá trình vận hành.

5. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị/Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

6. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Hồ sơ đăng ký môi trường của dự án đầu tư, cơ sở được cập nhật dữ liệu về đăng ký môi trường vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường cấp quốc gia.

7. Phí, lệ phí: Không quy định.

8. Tên các mẫu đơn, tờ khai: Mẫu văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Mẫu số 47 Phụ lục II Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT).

9. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Dự án đầu tư, cơ sở thuộc các nhóm I, II, III quy định tại các Phụ lục III, IV và V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP) thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường nhưng không thuộc các trường hợp sau:

- Có phát sinh nước thải sinh hoạt xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 50 m³/ngày trở lên;

- Có phát sinh nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý đối với những cơ sở, dự án thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị

định số 05/2025/NĐ-CP). Riêng loại hình chăn nuôi gia súc, giết mổ gia súc, gia cầm thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này;

- Có phát sinh nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 10 m³/ngày trở lên;

- Có phát sinh nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý quy định tại điểm a và điểm c khoản này với tổng lưu lượng từ 50 m³/ngày trở lên;

- Có phát sinh khí thải xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 2.000 m³/giờ trở lên khi đi vào vận hành chính thức;

- Có phát sinh thường xuyên chất thải nguy hại với tổng khối lượng từ 100 kg/tháng trở lên hoặc từ 1.200 kg/năm trở lên và có phát sinh nước thải hoặc khí thải phải xử lý xả ra môi trường trong quá trình vận hành.

10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

CÁC VĂN BẢN MẪU

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của Chủ dự án đầu tư, cơ sở (thuộc Phụ lục II ban hành Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

V/v đăng ký môi trường cho
dự án đầu tư, cơ sở

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: (3)

(1) là chủ đầu tư của (2), thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Địa chỉ trụ sở chính của (1):

- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số:..... (hoặc các giấy tờ tương đương (nếu có)).

- Người đại diện theo pháp luật của (1):.....

- Điện thoại:; Fax:; e-mail:.....

(1) đăng ký môi trường cho (2) với các nội dung sau:

1. Thông tin chung về dự án đầu tư, cơ sở:

- Tên dự án đầu tư, cơ sở: (2)

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư, cơ sở; nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Quy mô; công suất; công nghệ và loại hình sản xuất của dự án đầu tư, cơ sở:.....

2. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và các sản phẩm của dự án đầu tư, cơ sở:

(Liệt kê các loại nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và các sản phẩm của dự án đầu tư, cơ sở.)

3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của dự án đầu tư, cơ sở:

- Loại và khối lượng nước thải phát sinh (sinh hoạt, công nghiệp) hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư):.....

- Nguồn và lưu lượng khí thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư):.....

- Loại và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư):.....

- Loại và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư):.....

- Loại và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư):.....

4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của dự án đầu tư, cơ sở:

- Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư):.....

- Phương án thu gom, quản lý và xử lý khí thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư):

- Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư):.....

- Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư):.....

- Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư):.....

5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

(Nêu các cam kết về bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng dự án đầu tư và trong quá trình hoạt động sản xuất của dự án đầu tư, cơ sở)

Chúng tôi gửi kèm văn bản này 01 (một) Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư, cơ sở *(trường hợp dự án đầu tư, cơ sở đã có báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo quy định)*.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) tiếp nhận đăng ký môi trường của (2)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

Ghi chú:

- (1) Chủ dự án đầu tư, cơ sở;
- (2) Dự án đầu tư, cơ sở;
- (3) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi triển khai (2).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

VI. Thủ tục: Thành lập tổ công tác xác định nguyên nhân sự cố chất thải cấp xã ngay sau khi sự cố xảy ra

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp hồ sơ

Chủ dự án đầu tư, cơ sở để xảy ra sự cố chất thải có trách nhiệm báo cáo ngay, kịp thời đến Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban phòng thủ dân sự cấp xã nơi xảy ra sự cố.

- Bước 2: Thành lập tổ công tác xác định nguyên nhân sự cố cấp xã

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập tổ công tác xác định nguyên nhân sự cố cấp xã ngay sau khi sự cố xảy ra.

2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ dự án đầu tư, cơ sở đề xảy ra sự cố chất thải.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị/Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định thành lập tổ công tác xác định nguyên nhân sự cố cấp xã ngay sau khi sự cố xảy ra.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

9. Tên các mẫu đơn, tờ khai: Không có quy định.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Khi xảy ra sự cố chất thải tại dự án đầu tư, cơ sở.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải./.